

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/ HNGĐ - ST

Ngày 31/8/2022

"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà:* Ông **Nguyễn Đăng Khuê.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hạnh.**

2. Bà **Vũ Thị Thùy Đông.**

*Thư ký phiên toà:* Bà **Vũ Thúy Hằng** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Duyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Đoàn Trung H**, sinh năm: 1991.

HKTT: Thôn Phương T, xã Phương C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. (Có đơn xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Chị **Trương Thị T**, sinh năm: 1991.

HKTT: Thôn Phương T, xã Ph, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số 136 thôn Quảng Đ, xã Đạo N, huyện Đăk R, tỉnh Đăk N. (Có đơn xin vắng mặt)

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu **Đoàn Trà M**, sinh ngày 19/11/2017

Cháu **Đoàn Thị Thanh H**, sinh ngày 04/5/2019

Cùng địa chỉ: Số 136 thôn Quảng Đ, xã Đạo N, huyện Đăk R, tỉnh Đăk N. (Đều vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật cho hai cháu M, H: Anh **Đoàn Trung H** và chị **Trương Thị T** là bố mẹ đẻ của các cháu.

**- Những người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1970.

HKTT: Phương T, Phương C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.  
(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn anh Đoàn Trung H trình bày:*

Anh H và chị Trương Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương C vào năm 2017. Trước đó gia đình anh H đi khai hoang vào trong Đắc Nông, hai anh chị là bạn học cấp 3 với nhau. Anh, chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 đến 07 năm. Học xong đại học thì kết hôn với nhau. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà riêng. Trong cuộc sống, vợ chồng hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng có nhà riêng mở quán INTERNET, mẹ anh ở nhà riêng mở quán tạp hóa, hai nhà cách nhau khoảng 300m nên cũng không có chuyện va chạm giữa mẹ chồng nàng dâu. Năm 2019 anh H phạm tội tổ chức đánh bạc và bị xử phạt tù giam. Sau đó anh đi chấp hành án tại Trại giam Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Trong thời gian anh H đi chấp hành án, chị T ở nhà dẫn theo hai con về nhà bố mẹ đẻ tại Đắc Nông sinh sống. Khi đi chị T không thông báo cho gia đình anh H biết, qua người quen gia đình anh H mới biết chị T về nhà bố mẹ đẻ ở. Mẹ anh có khuyên chị T quay về Hưng Yên sống nhưng chị T không về. Tháng 9/2021 sau khi chấp hành án trở về địa phương anh H có liên lạc với chị T để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T cương quyết không về và nói rằng công việc trong Đắc Nông đang ổn định. Anh H có mẹ già yếu phải ở nhà chăm sóc nên cũng không vào trong Đắc Nông với chị T và các con được. Cũng đã nhiều lần anh H nói chị T quay về chung sống cùng anh nhưng chị T cương quyết không về. Đến nay anh H xác định tình cảm với chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

**Về con chung:** Anh xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 04/5/2019. Cả hai cháu hiện đang sống cùng với chị T nên sau khi ly hôn anh tự nguyện giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh được quyền thăm nom các con chị T không được ngăn cản.

**Về tài sản chung, nợ nần:** Anh xác định không có tài sản chung, không nợ nần gì ai nên không đề nghị giải quyết.

*Tại bản tự khai của chị Trương Thị T các ngày 7/6/2022 và ngày 11/8/2022 trình bày:* Chị và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương C vào năm 2017. Sau khi anh chị tổ chức lễ cưới anh chị chung sống cùng nhau tại nhà riêng không sống cùng với gia đình nhà chồng. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì, hiện nay HKTT của chị vẫn ở Phương C, thành phố Hưng Yên, chị chưa chuyển khẩu vào trong Đắc Nông. Ngày 14/01/2019 anh H phạm tội tổ chức đánh bạc và bị xử phạt tù giam. Sau đó anh H đi chấp hành án tại Trại giam Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đầu năm 2020 chị cùng hai con về nhà mẹ đẻ chị ở tại số 136 thôn Quảng

Đ, xã Đạo N, huyện Đắk R, tỉnh Đắk N. Sau khi anh H chấp hành án xong về nhà có liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên do hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh Hiếu, mặt khác công việc của chị trong này đang ổn định không muốn thay đổi, nên chị không muốn về Hưng Yên sinh sống. Về quan điểm giải quyết vụ án, chị nhất trí ly hôn với anh H do anh chị xác định không còn tình cảm với nhau.

**Về con chung:** Chị xác định anh chị có hai con chung như anh H trình bày, do hiện tại chị đang sống cùng với hai cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Đoàn Thị Thanh H sinh ngày 04/5/2019 nên chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Hiện nay chị T làm giáo viên mầm non tại xã Đạo N thu nhập khoảng 7 triệu/tháng, chị T hiện ở cùng bố mẹ nên chị T khẳng định đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc hai con của chị cùng với sự giúp đỡ của gia đình nên không cần anh H cấp dưỡng nuôi con với chị.

**Về tài sản chung, nợ nần:** Chị xác định anh chị không có nên không đề nghị giải quyết.

Do chị ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử.

*Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Hiếu) xác định về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, diễn biến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng giữa anh H và chị T như hai anh chị trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Vào khoảng năm 2019 anh H bị bắt về tội tổ chức đánh bạc. Chị T có hỏi mượn bà sổ hộ khẩu để làm thủ tục ly hôn với anh Hiếu, nhưng bà nói để cho anh H chấp hành án về thì làm gì thì làm. Sau đó không thấy chị T nói gì về chuyện này nữa. Một thời gian sau thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở Đắk N sống, trước khi về chị T không nói gì với gia đình bà. Khi anh H ra tù trở về địa phương thì chỉ có anh H liên lạc với chị T. Anh H muốn nói chuyện với con chị T cũng không cho gặp. Còn về phía chị T kể từ khi bỏ nhà bà đi, chị T không gọi điện hỏi thăm bà cũng không chủ động liên lạc với anh Hiếu. Về vấn đề ly hôn của anh chị bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương:* Ông Đoàn Văn D trưởng thôn Phương T cũng xác định trong thời gian anh Hiếu, chị T chung sống cùng nhau, nhà ông ở gần nhà anh chị, ông không thấy anh chị có biểu hiện mâu thuẫn gì, cuộc sống hạnh phúc bình thường. Sau khi anh H phạm tội và phải đi tù chị T ở nhà được khoảng hai tháng thì dẫn theo hai con tự ý bỏ đi. Khi đi chị cũng thông báo gì cho địa phương biết. Ông cũng đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết về đơn yêu cầu xin ly hôn của anh H.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Anh Đoàn Trung H và chị Trương Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Cả hai anh, chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh H ly hôn với chị T.

*Về con chung*: Đề nghị Tòa án giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Đoàn Thị Thanh H sinh ngày 04/5/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Đoàn Trung H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1]. *Về tố tụng*: Anh Đoàn Trung H khởi kiện xin ly hôn với chị Trương Thị T có HKTT: Phương T, Phương C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ cư trú hiện tại của chị T: Số 136 thôn Quảng Đ, xã Đạo N, huyện Đăk R, tỉnh Đăk N. Tuy nhiên anh, chị đã có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29/5/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian anh chị chung sống cùng nhau không có mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào năm 2019 khi anh H vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam. Chị T ít khi vào thăm anh H dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Sau đó chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Đăk N mà không thông báo gì cho anh H và gia đình anh H biết. Sau khi anh H chấp hành án xong ra tù trở về địa phương cũng có liên lạc với chị T để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên về phía chị T do không còn tình cảm

với anh H mặt khác chị T đã có cuộc sống ổn định tại quê nhà nên chị T cương quyết không về đoàn tụ để tiếp tục chung sống cùng anh H. Anh H xác định cũng không còn tình cảm với chị T, anh H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đến nay chị T cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với anh Hiếu. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của H.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 04/5/2019. Hiện tại hai cháu đang sống cùng với chị T tại Đăk N. Anh chị cùng có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với chị. HĐXX xét thấy chị T hiện có công việc làm ổn định, hàng tháng có thu nhập, từ trước đến nay hai con đều ở với chị T. Chị T hiện sống cùng bố mẹ đẻ, có nhà cửa và nơi cư trú rõ ràng. Do đó việc các đương sự thống nhất đề nghị giao cả hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục và việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ nần*: Các đương sự xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Đoàn Trung H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 58; 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Trung H. Xử cho anh Đoàn Trung H được ly hôn chị Trương Thị T.

- *Về con chung*: Giao cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 04/5/2019 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nhưng anh H được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Đoàn Trung H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001236 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA TP;
- UBND phường, xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đăng Khuê**

